

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS - ST  
Ngày: 07 – 5 – 2021  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Văn
2. Bà Nguyễn Thị Vòng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Đức Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Hoàng Mai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP B (PB); địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà T Tower, số 210 đường TQK, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q; người được ủy quyền lại: Ông Lê Vũ H – Tổ Trưởng Tổ HTHĐ Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh QB (Được ủy quyền theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 từ ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc và Giấy ủy quyền tham gia tố tụng và giải quyết việc thi hành án số: 290/2021/UQ-LienVietPostBank ngày 05/5/2021 từ ông Nguyễn Văn C – Giám đốc

Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh QB); địa chỉ: Số 6A đường THĐ, phường ĐP, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông H có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị P, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn T, xã TĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP B (PB) – Chi nhánh QB đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD4502017751 ngày 21/11/2017 với chị Trương Thị P. Sau khi ký hợp đồng, tổng số tiền cấp tín dụng cho chị P là: 50.000.000 đồng; phương thức cho vay: Cho vay từng lần; mục đích vay: Mua sắm nội thất gia đình; thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 22/11/2017 cho đến ngày 21/11/2020; lãi suất cho vay trong hạn là: 8%/năm tính trên dư nợ ban đầu; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 12/2017, chia thành 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng vào ngày 21/11/2020; kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu trả lãi từ tháng 12/2017; hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản bảo đảm.

Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của chị Trương Thị P đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 20/6/2019 với dư nợ gốc 24.980.000 đồng. Từ đó đến nay, chị P không nghiêm túc thực hiện trả toàn bộ phần nợ gốc và lãi quá hạn của khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP B. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị vẫn không thực hiện và vi phạm cam kết. Sau khi Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, được Tòa án thụ lý giải quyết thì ngày 22/4/2021 chị P có đến tại Ngân hàng và trả được số tiền 3.400.000 đồng (trong đó: Nợ gốc: 2.684.677 đồng, nợ lãi: 340.419 đồng, lãi phạt lãi: 63.544 đồng, lãi phạt gốc: 311.360 đồng). Vì vậy, tính đến thời điểm hiện tại, chị Trương Thị P mới thanh toán được tổng số tiền gốc của khoản vay: 27.704.677 đồng, gồm 19 kỳ x 1.390.000 đồng + 1.294.677 đồng ( 1 phân kỳ thứ 20) = 27.704.677 đồng. Đến ngày 07/5/2021 số tiền chị Trương Thị P còn nợ Ngân hàng là: 33.304.318 đồng (trong đó dư nợ gốc: 22.295.323 đồng, nợ lãi trên gốc trong hạn: 7.288.889 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn là: 2.961.279 đồng; nợ lãi chậm trả: 758.827 đồng).

Vì vậy, để thu hồi nợ vay nói trên, PB khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị P thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2021 là: 33.304.318 đồng và số

tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến ngày chị P thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

*\* Đối với bị đơn:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án và nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn chị Trương Thị P không đến Tòa án theo thời gian quy định. Do các bên đương sự không tự thỏa thuận được, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử.

*\* Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trương Thị P trả nợ cho Ngân hàng TMCP B (PB) tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2021 chị Trương Thị P còn nợ Ngân hàng là: 33.304.318 đồng (trong đó dư nợ gốc: 22.295.323 đồng, nợ lãi trên gốc trong hạn: 7.288.889 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn là: 2.961.279 đồng; nợ lãi chậm trả: 758.827 đồng).

Bị đơn chị Trương Thị P vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã TĐ, thành phố H nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

*\* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

*\* Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các

phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị P vắng mặt không có lý do chính đáng. Họ đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

\* *Về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng: Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010); Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 07/5/2021 chị Trương Thị P còn nợ Ngân hàng số tiền là: 33.304.318 đồng (trong đó dư nợ gốc: 22.295.323 đồng, nợ lãi trên gốc trong hạn: 7.288.889 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn là: 2.961.279 đồng; nợ lãi chậm trả: 758.827 đồng). Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của bị đơn: Chị Trương Thị P có HKTT tại: Thôn T, xã TĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị P trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số: HDTD4502017751 ngày 21/11/2017 đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và chị P là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với bị đơn chị Trương Thị P không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn nhưng chị vẫn có tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh

địa chỉ của bị đơn, qua tra cứu hồ sơ lưu trữ và xác minh ở Công an xã TĐ thì: Chị Trương Thị P có hộ khẩu thường trú tại tổ 2, thôn T, xã TĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu; số hồ sơ hộ khẩu: Chủ hộ là ông Trần Đình H, mối quan hệ chủ hộ là con dâu; hiện nay chị P đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú. Tòa án tiến hành lập biên bản đối với gia đình chị P về việc tổng đạt các văn bản tố tụng. Vì lý do công việc nên chị P không nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án, nên đại diện gia đình đã ký nhận thay và có trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị để chị P biết được nghĩa vụ của mình.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn có mặt còn chị Trương Thị P vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”.* Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...”. Như vậy, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và chị P đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của chị P và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập chị P theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị vẫn không có mặt tại Toà án. Do đó Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐST-DS ngày 22/3/2021 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn chị P cư trú. Ngày 08/4/2021 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn chị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-DS ngày 08/4/2021 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 07/5/2021 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại thôn T và trụ sở UBND xã TĐ nơi bị đơn chị Trương Thị P cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trương Thị P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được năm 2017, chị Trương Thị P đã ký với PB chi nhánh QB hợp đồng tín dụng số HDTD4502017751 ngày 21/11/2017 để vay với tổng số tiền 50.000.000 đồng; mục đích vay: Mua sắm nội thất gia đình; thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 21/11/2017 cho đến ngày 21/11/2020; lãi suất cho vay trong hạn: 8%/năm tính trên dư nợ ban đầu; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản bảo đảm. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng chị Trương Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do PB chi nhánh QB cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng chị P đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 20/6/2019 đã để phát sinh nợ quá hạn. Hiện nay khoản nợ đã chuyển qua nợ quá hạn, ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp cũng như tạo điều kiện và tìm mọi khả năng thanh toán nợ nhưng chị P vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Như vậy, chị P đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày 07/5/2021 tổng số tiền bị đơn chưa trả cho Ngân hàng TMCP B là: 33.304.318 đồng (trong đó dư nợ gốc: 22.295.323 đồng, nợ lãi trên gốc trong hạn: 7.288.889 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn là: 2.961.279 đồng; nợ lãi chậm trả: 758.827 đồng). Ngân hàng TMCP B yêu cầu chị P tìm mọi nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên bị đơn chị Trương Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước trên tổng số tiền: 33.304.318 đồng x 5% của giá trị tranh chấp = 1.665.215 đồng.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 930.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001776 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (PB).

1.1. Buộc chị Trương Thị Phê phải trả cho Ngân hàng TMCP B (PB) số tiền tính đến ngày 07/5/2021 là: 33.304.318 đồng (trong đó dư nợ gốc: 22.295.323 đồng, nợ lãi trên gốc trong hạn: 7.288.889 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn là: 2.961.279 đồng; nợ lãi chậm trả: 758.827 đồng).

1.2. Từ ngày 08/5/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng chị Trương Thị P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD4502017751 ngày 21/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B và chị Trương Thị P cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí: Bị đơn chị Trương Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 1.665.215 đồng.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 930.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001776 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/5/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**











**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
*(Hội thẩm nhân dân)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Vòng      Dương Thị Hồng Liên**

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

